

# **BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

### **NĂM 2012**

#### **A. LỊCH SỬ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**
- Tên giao dịch: Nghe An Bus Station Joint - Stock Company
- Tên viết tắt: NBSC
- Trụ sở chính: 77 đường Lê Lợi, TP.Vinh, tỉnh Nghệ An
- Điện thoại: (038) 38 35 183
- Fax: (038) 86 00 275
- Website: <http://www.benxenghean.com.vn>
- Email: [bxna@benxenghean.com.vn](mailto:bxna@benxenghean.com.vn)

#### **I. Ngành nghề kinh doanh**

Giấy Chứng nhận Đăng ký Kinh doanh số 2703000379 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Nghệ An cấp lần đầu ngày 30/07/2004, đăng ký thay đổi lần thứ 4 ngày 05/09/2011 cho Phép Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An hoạt động sản xuất kinh doanh trong các lĩnh vực sau:

- Dịch vụ Bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Dịch vụ bảo dưỡng, sửa chữa ô tô;
- Kinh doanh dịch vụ nhà nghỉ, ăn uống;
- Cho thuê văn phòng, kiốt kinh doanh;
- Kinh doanh vận tải khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Kinh doanh bất động sản;
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí;
- Khai thác, chế biến, mua bán khoáng sản.

## II. Quá trình hình thành và phát triển

### 1. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An tiền thân là Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An, được thành lập ngày 29 tháng 05 năm 1995, là đơn vị trực thuộc Sở giao thông vận tải Nghệ An, hoạt động theo mô hình là đơn vị kinh tế sự nghiệp có thu.

- Tháng 4 năm 1997 đơn vị được chuyển thành Doanh nghiệp Nhà nước hoạt động công ích, với số vốn được xác định là 2.163.000.000 VND.

- Tháng 7/2004, thực hiện chủ trương của Nhà nước về cổ phần hóa, đơn vị đã chuyển đổi sang mô hình Công ty cổ phần theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07/07/2004 của UBND tỉnh Nghệ An, với số vốn điều lệ ban đầu là 8.359.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm 59.1%, người lao động trong Công ty chiếm 40.9%.

- Tháng 11/2008 Công ty tăng vốn điều lệ lên 13.000.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 48.98%, các cổ đông khác nắm giữ 51.02%.

- Tháng 4/2009 Công ty tăng vốn điều lệ lên 16.000.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 39.79%, cổ đông chiến lược nắm giữ 18.75%, các cổ đông khác nắm giữ 41.46%.

- Tháng 5/2009 Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An được UBCK Nhà nước công nhận là Công ty đại chúng.

- Tháng 9/2011 Công ty tăng vốn điều lệ lên 31.532.000.000 VND, trong đó Nhà nước nắm giữ 40.39%, cổ đông chiến lược nắm giữ 15.86%, các cổ đông khác nắm giữ 43.75%.

### **\* Những thành tích đã đạt được trong thời gian qua**

- Nhân dịp kỷ niệm 15 năm thành lập (29/05/1995 – 29/05/2010), Công ty cổ phần Bến xe Nghệ An được Chủ tịch nước tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3. Đây là một sự ghi nhận xứng đáng, đầy ý nghĩa và là sự cổ vũ lớn lao đối với tập thể CB CNV “NBS”.

- Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An vinh dự được Thủ tướng Chính phủ tặng Bằng khen năm 2005 theo Quyết định số 1093/QĐ-TTg ngày 14/10/2005

- UBND tỉnh Nghệ An tặng bằng khen năm 2005, 2006, 2007 và 2008 theo các Quyết định số 4693/CT-KT ngày 25/12/2005; Quyết định số 4992/QĐ-TĐ ngày 25/12/2006; Quyết định số 177/QĐ-TĐ ngày 18/01/2008 và Quyết định số 2305/QĐ-TĐ ngày 29/05/2009.

- Năm 2007, 2008 được Cục thuế Nghệ An tặng giấy khen và biểu tượng (Theo Quyết định số 261/QĐ/CT ngày 28/04/2008 và Quyết định số 547/QĐ/CT ngày 20/04/2009) vì đã hoàn thành tốt nghĩa vụ nộp ngân sách Nhà nước trong năm 2007 và 2008

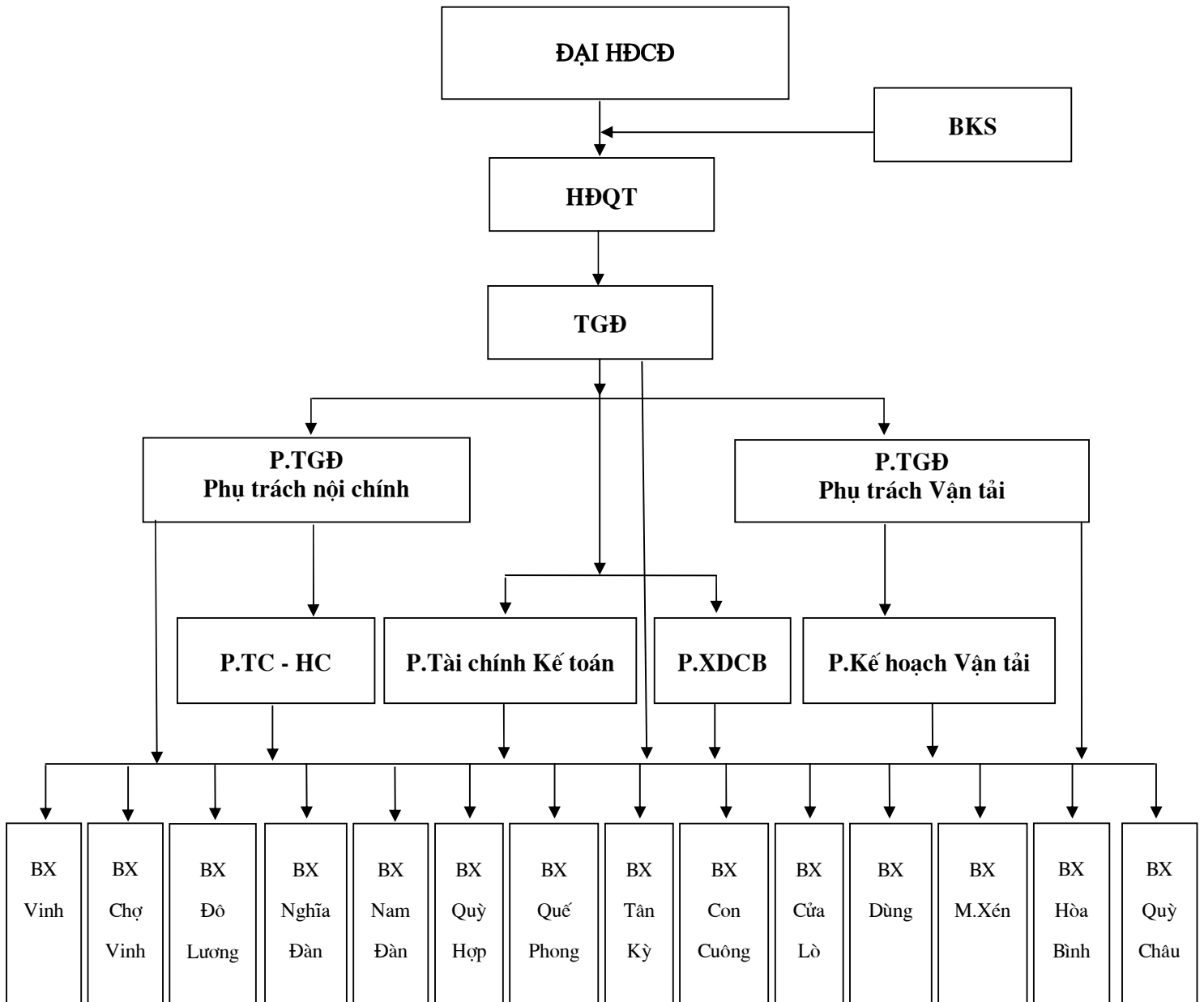
- Liên đoàn lao động tỉnh Nghệ An tặng bằng khen năm 2008 theo Quyết định số 415/QĐ-LĐLĐ ngày 26/12/2008.

- Ủy ban nhân dân tỉnh Nghệ An tặng bằng khen vì đã có thành tích trong hoạt động vận tải khách phục vụ tết nguyên đán Nhâm Thìn năm 2012.

**\* Cơ cấu tổ chức doanh nghiệp**

## SƠ ĐỒ TỔ CHỨC

### CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN



## 2. Định hướng phát triển trong tương lai

### 2.1 Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

- Lấy ngành nghề truyền thống là đầu tư, quản lý và khai thác kinh doanh dịch vụ bến bãi làm tiền đề chủ đạo để mở rộng và phát triển đa ngành nghề, đa lĩnh vực. Trở thành một trong những Doanh nghiệp lớn mạnh tại địa bàn Nghệ An .

- Đầu tư hoàn thành và đưa vào khai thác 2 dự án bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh giai đoạn 2012 – 2015.

- Duy trì tốc độ tăng trưởng Doanh thu ngành nghề cốt lõi bình quân từ 5% – 8%/năm và lợi nhuận từ 10% – 12%/năm trong giai đoạn 2012 - 2015.

- Mở rộng ngành nghề kinh doanh mới, đồng thời khai thác có hiệu quả những lợi thế về các khu đất mà Công ty hiện có

### 2.2 Chiến lược phát triển trung và dài hạn

- Trở thành một Doanh nghiệp mạnh trong lĩnh vực đầu tư hạ tầng bến bãi và bất động sản tại địa bàn Nghệ An trong vòng 5 – 10 năm tới.

- Giảm tỷ trọng doanh thu trong lĩnh vực kinh doanh Bến xe, tăng tỷ trọng doanh thu các ngành nghề mới giai đoạn 2010 – 2020.

## B. BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

### \* HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

#### 1. Ông Hoàng Đức Long – Chủ tịch HĐQT

Số CMND : 182196947, CA Nghệ An cấp ngày 20/05/1996.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 11/11/1966; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Hưng Khánh, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối Tân Quang, phường Lê Mao, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế tài chính

#### Quá trình công tác:

1988 - 1992 : Cán bộ Ban thanh tra Tài chính – Sở Tài chính vật giá Nghệ Tĩnh

1992 – 1995 : Cán bộ Ban quản lý công trình giao thông – Sở GTVT Nghệ An

1995 – 2004 : Kế toán trưởng Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

2004 – 9/2007 : Kế toán trưởng Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

9/2007 – 4/2007: Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc Công ty CP Bến xe Nghệ An

4/2007 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm Tổng giám đốc Công ty CP Bến xe Nghệ An

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Chủ tịch Hội đồng Quản trị kiêm Tổng giám đốc

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 443.600 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

## **2. Ông Võ Xuân Thanh – Ủy viên HĐQT**

Số CMND : 181426040, CA Nghệ An cấp ngày 10/12/1992.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 15/07/1966; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Quỳnh Bá, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối Tân Tiến, phường Hưng Dũng, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Kỹ sư kinh tế vận tải ô tô

### Quá trình công tác:

1993 - 1996 : Cán bộ kế hoạch vận tải Công ty liên doanh Austinh Hà Tĩnh

1996 – 1998 : Cán bộ BQL Bến xe Chợ Vinh – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

1998 – 2003 : Phó trưởng bến xe Vinh – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

4/2003 – 7/2004 : Trưởng Bến xe Cửa Lò – Xí nghiệp Bến xe khách Nghệ An

8/2004 – 11/2005 : Trưởng Bến xe Vinh - Công ty CP Bến xe Nghệ An

11/2005 – 11/2007 : Phó GD kiêm trưởng Bến xe Vinh – Công ty CP Bến xe Nghệ An

12/2007 – nay : Phó tổng giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó tổng giám đốc

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 258.600 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

## **3. Ông Nguyễn Hồng Lĩnh – Ủy viên HĐQT**

Số CMND : 181821851, CA Nghệ Tĩnh cấp ngày 01/01/1988.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 12/10/1960; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Phong Thịnh, huyện Thanh Chương, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối 10, phường Cửa Nam, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

### Quá trình công tác:

1978 - 1984 : Bộ đội

1984 – 1987 : Đội trưởng Đội chiếu bóng 384 Nghệ Tĩnh

1987 – 1988 : Công tác tại Công ty quản lí đường sông Nghệ Tĩnh

11/1988 – 12/1994 : Công tác tại Công ty công trình thủy Nghệ An

01/1996 – 07/2004 : Trưởng phòng TCHC – Công ty QL&SC cầu đường bộ Nghệ An

07/2004 – 10/2007 : TP.TCHC, Chủ tịch công đoàn - Công ty CP Bến xe Nghệ An

11/2007 – nay : Phó tổng giám đốc kiêm TP.TCHC - Công ty CP Bến xe Nghệ An

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó tổng giám đốc kiêm TP tổ chức hành chính

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 125.000 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

#### **4. Ông Trần Minh Thành – Ủy viên HĐQT**

Số CMND : 182376064, CA Nghệ An cấp ngày 29/10/2011

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/06/1981; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Xóm Minh Thành, xã Quỳnh Long, huyện Quỳnh Lưu, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Ngân hàng

##### Quá trình công tác:

2004 - 2006 : Cán bộ Phòng TC-KT Công ty CP Bê tông và XD Vinaconex Xuân Mai

2006 – 2007 : Cán bộ tín dụng – Ngân hàng TMCP các Doanh nghiệp ngoài Quốc doanh Chi nhánh Nghệ An

2007 – nay : Kế toán trưởng – Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Kế toán trưởng

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 83.900 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

#### **5. Ông Vũ Phi Hồ – Ủy viên HĐQT**

Số CMND : 012888718, CA Hà Nội cấp ngày 16/06/2006.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 21/03/1978; Nơi sinh: Hà Nội; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Địa chỉ thường trú : P1, tập thể Trường ĐH tổng hợp, phường Thanh Xuân Bắc, quận Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hóa : 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân ngoại ngữ

##### Quá trình công tác:

2002 – nay : Chủ tịch HĐQT kiêm GD Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng

Chức vụ hiện nay tại Công ty: UV HĐQT

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 500.000 cổ phần (Đại diện phần vốn góp của Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng tại Công ty CP Bến xe Nghệ An)

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

**\* BAN KIỂM SOÁT**

***1. Ông Lương Khắc Thanh – Trưởng ban kiểm soát***

Số CMND : 182234615, CA Nghệ An cấp ngày 18/03/2002.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 05/05/1954; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Phật giáo

Quê quán : Xã Nghi Đức, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : SN 404, đường Nguyễn Trãi, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính

**Quá trình công tác:**

1973 - 1987 : Bộ đội

1987 – 1992 : Cán bộ Sở Tài chính Nghệ An

1992 – 1995 : Chuyên viên chính Cục thuế Nghệ An

1995 – 2000 : Phó phòng Cục Tài chính Doanh nghiệp Nghệ An

2000 – nay : Chuyên viên chính – Sở Tài chính Nghệ An

Chức vụ hiện nay tại Công ty: Trưởng Ban kiểm soát

Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 0 cổ phần

Hành vi vi phạm pháp luật : Không

Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

***2. Ông Phạm Xuân Bích – Thành viên ban kiểm soát***

Số CMND : 181801160, CA Nghệ An cấp ngày 31/07/2007.

Giới tính : Nam

Ngày sinh : 02/09/1960; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không

Quê quán : Xã Hưng Đạo, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An

Địa chỉ thường trú : Khối Tân Quang, phường Lê Mao, TP.Vinh, Nghệ An

Trình độ văn hóa : 10/10; Trình độ chuyên môn: Cử nhân Quản trị kinh doanh

**Quá trình công tác:**

1980 - 1982 : Cán bộ kỹ thuật xây dựng – Xí nghiệp bê tông Công ty xây dựng số 5

1982 – 1985 : Đi bộ đội

1985 – 1988 : Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp thủy lợi Hưng Nguyên

1988 – 1991 : Xuất khẩu lao động tại Cộng hòa liên bang Đức

1991 – 1993 : Cán bộ kỹ thuật – Xí nghiệp thủy lợi Hưng Nguyên

1993 – 1997 : Cán bộ kỹ thuật Công ty thủy nông Nam

1997 – 2001 : Cán bộ kỹ thuật – Phòng XDCCB Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

2001 – nay : Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản – Công ty CP Bến xe Nghệ An  
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó trưởng phòng xây dựng cơ bản  
Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 22.200 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

### ***3. Ông Nguyễn Đình Lâm – Thành viên ban kiểm soát***

Số CMND : 180864886, CA Nghệ An cấp ngày 23/01/2008.  
Giới tính : Nam  
Ngày sinh : 08/10/1962; Nơi sinh: Nghệ An; Quốc tịch: Việt Nam  
Dân tộc : Kinh Tôn giáo: Không  
Quê quán : Xã Mỹ Thành, huyện Yên Thành, tỉnh Nghệ An  
Địa chỉ thường trú : Khối 12, phường Trung Đô, TP.Vinh, Nghệ An  
Trình độ văn hóa : 12/12; Trình độ chuyên môn: Cử nhân QTKD

#### ***Quá trình công tác:***

1984 - 1998 : Công tác tại Công ty vận tải hàng hóa Nghệ An  
1998 – 1999 : Cán bộ quản lý Bến xe Vinh – XN Bến xe khách Nghệ An  
1999 – nay : Phó phòng Kế hoạch vận tải - Công ty CP Bến xe Nghệ An  
Chức vụ hiện nay tại Công ty: Phó phòng Kế hoạch vận tải  
Số cổ phần hiện đang nắm giữ : 22.200 cổ phần  
Hành vi vi phạm pháp luật : Không  
Quyền lợi mâu thuẫn với lợi ích Công ty : Không

## **I. Đánh giá công tác quản lý điều hành kinh doanh năm 2011 và nhiệm kỳ II (2007 – 2012)**

Giai đoạn 2007 - 2012 nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng gặp rất nhiều khó khăn và thách thức. Cuộc khủng hoảng tài chính thế giới năm 2008, 2009; thảm họa động đất và sóng thần tại Nhật Bản năm 2011,... đã làm cho hầu hết các nền kinh tế trên thế giới gặp nhiều khó khăn, giá cả các loại hàng hóa tăng cao, đặc biệt là giá xăng dầu biến động mạnh và lập nhiều kỷ lục trong lịch sử. Nền kinh tế khó khăn đã làm kìm hãm sự phát triển của các doanh nghiệp, trong đó có các doanh nghiệp thuộc lĩnh vực vận tải.

Đặc biệt năm 2010, đợt lũ lụt tàn phá miền trung cũng đã ảnh hưởng nhiều đến hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp vận tải do tình hình giao thông bị ngắt quãng. Đây là những rủi ro nằm ngoài tầm kiểm soát của con người và khi xảy ra, chúng gây ảnh hưởng xấu trực tiếp đến hoạt động kinh doanh vận tải, trong đó có Công ty bến xe.

Mặc dù vậy, giai đoạn 2007 - 2012 Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã nỗ lực vượt qua mọi khó khăn thách thức của nền kinh tế và đã đạt được những kết quả nhất định trong thời gian qua.



## A. Những kết quả đạt được trong nhiệm kỳ II (2007 – 2012)

### 1. Bộ máy tổ chức

Bộ máy tổ chức của Công ty tiếp tục được hoàn thiện hơn, tăng cường và nâng cao hiệu quả công tác quản lí và điều hành chung của Công ty, đồng thời phát huy nội lực, tính chủ động, sáng tạo của các đơn vị và cá nhân. Trong nhiệm kỳ II (2007 – 2012), Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần bến xe Nghệ An đã kiện toàn lại HĐQT, BKS bằng việc miễn nhiệm và bầu thay thế 3 thành viên HĐQT, 1 thành viên BKS, đồng thời HĐQT cũng đã bầu ra Chủ tịch HĐQT mới và bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty. HĐQT thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ của từng thành viên HĐQT và hoàn thiện các quy chế tổ chức và hoạt động của HĐQT, từ đó đã tạo dựng được tính chủ động, dân chủ, phát huy được năng lực, kinh nghiệm, trí tuệ của từng thành viên.

Hội đồng quản trị cũng đã phối hợp chặt chẽ với Ban Tổng giám đốc trong việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của HĐQT, kịp thời nắm bắt các cơ hội kinh doanh để gia tăng lợi nhuận cho Công ty, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

### 2. Hoạt động kinh doanh

- Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là khai thác các dịch vụ vận tải khách bằng ô tô. Do vậy, trong thời gian qua HĐQT đã hết sức chú trọng đến việc nâng cao chất lượng phục vụ, hoàn thiện hệ thống cơ sở hạ tầng các bến xe, xây dựng mức phí phù hợp với thực tế theo từng thời kỳ, thu hút các doanh nghiệp vận tải tham gia hoạt động vận tải khách trên bến do Công ty quản lí, khuyến khích và tạo điều kiện cho các doanh nghiệp vận tải mở rộng quy mô, mở thêm nhiều tuyến vận tải khách chất lượng cao,...

- Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan chức năng như: cảnh sát giao thông, thanh tra giao thông, cảnh sát trật tự,... để hạn chế các phương tiện bỏ bến, xe chạy vòng vo, góp phần đảm bảo trật tự an toàn giao thông.

- Thường xuyên phối kết hợp với các bến xe tỉnh bạn (bến đến) để quản lí phương tiện đảm bảo hoạt động ổn định và chấp hành tốt nội quy quy chế của hai đầu bến

- Với các giải pháp như trên, hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải khách của đơn vị đã đạt được những kết quả khả quan như sau:

TT	Nội dung	ĐVT	Năm				
			2007	2008	2009	2010	2011
1	Số chuyến xe xuất bến	Chuyến	217.239	286.965	319.191	322.000	297.279
2	Số khách xuất bến	Khách	3.260.000	3.985.982	4.446.762	4.800.000	4.380.000
3	Doanh thu	Tr.đ	12.812	20.751	25.268	30.587	40.316
4	Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	2.510	5.646	11.165	13.268	21.789

### 3. Cơ cấu Tài chính

- Trong giai đoạn từ 2007 đến 2011, Công ty đã tiến hành 3 lần tăng vốn điều lệ từ 8.359.000.000 đồng lên 31.532.000.000 đồng thông qua hình thức phát hành cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cổ đông chiến lược, đồng thời năm 2009 Công ty được Ủy ban chứng khoán Nhà nước công nhận là Công ty đại chúng.

- Tính đến thời điểm 31/12/2011, tổng tài sản của Công ty đạt 80.031.895.033 đồng, trong đó vốn chủ sở hữu là 73.185.988.792 đồng, tăng 63.776.694.538 đồng giá trị tài sản và 61.445.227.429 đồng vốn chủ sở hữu so với thời điểm 31/12/2007. Lãi cơ bản trên cổ phiếu cũng tăng từ 3.004 đồng năm 2007 lên mức 10.289 đồng năm 2011.

- Tổng số nợ phải trả/Tổng tài sản tại ngày 31/12/2011 là 8,55%

- Tổng số nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu tại ngày 31/12/2011 là 9,35%

#### 3.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của NBS

Đến ngày 31/12/2011, các cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn điều lệ của NBS như sau:

STT	Tên Cổ đông	Số lượng CP	Tỷ lệ /VĐL (%)
1	Tổng công ty ĐT&KD vốn Nhà nước (SCIC)	1.273.500	40,39
2	Công ty TNHH SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng	500.000	15,86
3	Hoàng Đức Long	443.600	14,07
4	Võ Xuân Thanh	258.600	8,2
<b>TỔNG CỘNG</b>		<b>2.475.700</b>	<b>78.51%</b>

#### 3.2 Cơ cấu Cổ đông của NBS (tại thời điểm 31/12/2011)

Cổ đông	Số CP nắm giữ	Tỷ lệ/VĐL (%)
Cổ đông Nhà nước	1.273.500	40,39
Cổ đông chiến lược	500.000	15,86
Cổ đông cá nhân	1.379.700	43,76
Tổng số cổ phần đang lưu hành	3.153.200	100%

#### *4. Hoạt động đầu tư*

##### *4.1 Đầu tư xây dựng cơ bản*

- Hiện nay Công ty đang đầu tư xây dựng 2 tổ hợp dự án Bến xe Nam Vinh quy mô 5 ha tại xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, tỉnh Nghệ An và dự án Bến xe Bắc Vinh quy mô 4,5 ha tại xã Nghi Kim, thành phố Vinh, Nghệ An. Tổng mức đầu tư giai đoạn 1 của cả 2 dự án khoảng 150 tỷ đồng, đến 31/12/2011 số tiền đã đầu tư cho 2 dự án là trên 34 tỷ đồng. Dự kiến từ nay đến cuối năm 2013 sẽ đưa bến xe Bắc Vinh vào hoạt động và bến xe Nam Vinh sẽ đưa vào hoạt động sau đó 2 năm.

- Ngoài 2 dự án nói trên, trong thời gian 2007 – 2011 Công ty đã thực hiện việc đầu tư xây dựng mới nhà Ban quản lý bến xe Hòa Bình, mở rộng tòa nhà văn phòng Công ty, xây mới khu kinh doanh dịch vụ và nhà đa chức năng bến xe Vinh, sửa chữa nâng cấp khách sạn Bình An tại bến xe Cửa Lò, nâng cấp nhà nghỉ 2 tầng tại bến xe Vinh, sửa chữa và nâng cấp sân bến xe Tân Kỳ, bến xe Thanh Chương, sân văn phòng Công ty,... với tổng mức đầu tư trên 4,3 tỷ đồng

##### *4.2 Đầu tư khác*

- Công ty đã tiến hành thanh lý 01 xe con 4 chỗ và 01 xe ô tô 12 chỗ do quá cũ, đồng thời đầu tư mới 01 xe ô tô camry 3.5 và 01 xe ô tô hyundai sonata để phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty với tổng số tiền là 2.018.971.747 đồng

- Ngoài ra Công ty còn đầu tư các phương tiện quản lý phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh như: hệ thống mạng nội bộ, phần mềm kế toán, website Công ty,...

#### *5. Các lĩnh vực khác*

- Công tác thi đua khen thưởng: Đúng dịp kỷ niệm 15 năm ngày thành lập Công ty (29/05/1995 – 29/05/2010), đơn vị đã vinh dự được Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam tặng thưởng Huân chương lao động hạng 3. Đây là một phần thưởng cao quý, ghi nhận sự đóng góp của toàn thể CB CNV Công ty trong suốt 15 năm qua. Ở góc độ doanh nghiệp, đơn vị có chính sách khen thưởng định kỳ và đột xuất những tập thể, cá nhân xuất sắc trong lao động sản xuất như: khen thưởng vào các dịp chiến dịch phục vụ tết, chiến dịch phục vụ mùa thi,...

- Mặc dù giai đoạn 2007 – 2012 nền kinh tế nói chung còn nhiều khó khăn, giá cả các mặt hàng tăng cao, lạm phát lớn, nhưng đời sống của người lao động cũng được cải thiện đáng kể, thu nhập người lao động năm sau cao hơn năm trước (thu nhập bình quân người lao động năm 2007 là 2.680.000 đ thì đến năm 2011 là 6.980.000 đ), điều kiện làm việc của cán bộ công nhân viên được quan tâm, đảm bảo, chế độ phúc lợi được nâng cao.

- Công tác xã hội: Các hoạt động xã hội, từ thiện ủng hộ đồng bào bị bão lụt, ủng hộ chương trình xóa tranh tre nhà tạm, ủng hộ các nạn nhân chất độc màu da cam, quỹ bảo trợ

trẻ em,... hàng năm đơn vị thực hiện một cách đầy đủ và tích cực. Đặc biệt là trận lũ lụt nặng nề tại các huyện của Nghệ An và Hà Tĩnh, CB CNV Công ty đã khuyến góp ủng hộ đồng bào lũ lụt 50 triệu đồng và quần áo, mì tôm,... thể hiện sự tương thân tương ái, lá lành đùm lá rách.

### B. Những tồn tại trong nhiệm kỳ II (2007 – 2012)

- Công tác triển khai đầu tư xây dựng bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh bị chậm so với dự kiến ban đầu là sẽ đưa vào hoạt động trong giai đoạn 2007 – 2012. Về mặt khách quan là do chủ trương quy hoạch của tỉnh thay đổi dẫn đến việc lựa chọn địa điểm mất nhiều thời gian, công tác đền bù giải phóng mặt bằng gặp nhiều khó khăn cũng là một yếu tố làm chậm tiến độ triển khai. Ngoài ra cũng phải kể đến yếu tố chủ quan là do HĐQT chỉ đạo chưa quyết liệt Ban giám đốc trong việc triển khai các dự án

- Kế hoạch xây dựng bến xe ga Vinh và bến xe Diễn Châu phải hủy bỏ do không giải phóng được mặt bằng

- Các dự án bến xe Quỳnh Lưu, Mường Xén không thể triển khai do không lựa chọn được địa điểm xây dựng

- Định hướng mở rộng ngành nghề kinh doanh chưa thể triển khai, một mặt do tình hình khó khăn chung của nền kinh tế, mặt khác HĐQT còn lúng túng trong việc lựa chọn ngành nghề để mở rộng, chưa có định hướng rõ ràng

- Nội bộ HĐQT có những thời điểm chưa đoàn kết, bất đồng quan điểm trong quá trình điều hành doanh nghiệp dẫn tới việc tăng vốn điều lệ không đạt kế hoạch dự kiến (Dự kiến tăng vốn điều lệ lên 50 tỷ đồng trong năm 2011, song chỉ tăng vốn điều lệ lên 31,532 tỷ đồng)

## **II. Một số nhiệm vụ trọng tâm của HĐQT trong nhiệm kỳ III (2012 – 2017)**

Nhiệm kỳ II (2007 – 2012) HĐQT đã thực hiện tốt mục tiêu sản xuất kinh doanh ngành nghề truyền thống như: tốc độ tăng doanh thu, lợi nhuận và tổng tài sản,... và định hướng cho đầu tư chiến lược dài hạn của Công ty mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra như: tăng vốn điều lệ, triển khai đầu tư 2 dự án trọng điểm là bến xe Bắc và Nam Vinh,... Song vẫn còn một số mục tiêu mà trong nhiệm kỳ II chưa hoàn thành như: việc mở rộng ngành nghề kinh doanh chưa triển khai được, việc tăng vốn điều lệ không đạt kế hoạch, tiến độ triển khai các dự án còn quá chậm,... Do vậy, trong nhiệm kỳ III (2012 – 2017) HĐQT sẽ phải thực hiện một số nhiệm vụ sau:

- Kiện toàn bộ máy điều hành Công ty nhiệm kỳ III (2012 – 2017) trên cơ sở đoàn kết, nhất trí cao từ HĐQT đến BGD để điều hành Công ty một cách hiệu quả, thực hiện đúng chiến lược mà ĐHCĐ đã định

- Duy trì và phát triển hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải khách bằng ô tô từ nay đến khi đưa bến xe mới vào hoạt động, tìm giải pháp khắc phục và tăng cường công tác quản lý để hạn chế sự sụt giảm trong thời gian đầu khi di chuyển ra bến xe mới.

- Nghiên cứu và phát triển những lĩnh vực, ngành nghề mới, hướng tới mục tiêu đa dạng hóa ngành nghề kinh doanh trên cơ sở phát huy tối đa thế mạnh ngành nghề truyền thống.

- Đẩy nhanh tiến độ đầu tư dự án để đưa bến xe Bắc Vinh vào hoạt động năm 2013 và bến xe Nam Vinh vào hoạt động năm 2015.

- Tính toán cơ cấu nguồn vốn để có kế hoạch huy động vốn cho hoạt động đầu tư và sản xuất kinh doanh theo hình thức phát hành cổ phiếu hoặc vay ngân hàng nhằm tối ưu hóa việc sử dụng nguồn vốn và đảm bảo an toàn tài chính của Công ty

- Chuyển đổi và khai thác những lợi thế về quỹ đất mà Công ty đang có theo hình thức tự đầu tư hoặc liên doanh, liên kết với các đối tác có thương hiệu, mạnh về tài chính, nguồn nhân lực và hệ thống quản trị điều hành tốt để triển khai nhằm đem lại hiệu quả cao cho Công ty.

### **III. Kết luận**

Nhiệm kỳ II (2007 – 2012) HĐQT Công ty Cổ phần Bến xe đã cơ bản hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch mà Đại hội đồng cổ đông giao. Đặc biệt về chỉ tiêu hoạt động kinh doanh đã đạt được đà tăng trưởng nhanh và bền vững trong những năm qua, tạo tiền đề tốt cho sự phát triển trong thời gian tới. HĐQT sẽ quyết tâm thực hiện thắng lợi Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên 2012 cũng như nhiệm kỳ III (2012 – 2017), đồng thời đẩy mạnh quá trình đổi mới doanh nghiệp, phát huy những lợi thế cạnh tranh để đa dạng hóa các ngành nghề kinh doanh. Hội đồng quản trị sẽ chỉ đạo triển khai chiến lược phát triển dài hạn và những giải pháp mang tính đột phá hướng Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An tới mục tiêu trở thành một Công ty đa ngành nghề vững mạnh và có uy tín trên địa bàn Nghệ An và là một trong những đơn vị đầu tư kinh doanh Bến xe lớn nhất cả nước trong vòng 5 năm tới.

## C. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

### \* BAN TỔNG GIÁM ĐỐC - KẾ TOÁN TRƯỞNG

1. Ông Hoàng Đức Long – Tổng giám đốc (Xem thông tin mục HĐQT)
2. Ông Võ Xuân Thanh – Phó Tổng giám đốc (Xem thông tin mục HĐQT)
3. Ông Nguyễn Hồng Lĩnh – Phó Tổng giám đốc (Xem thông tin mục HĐQT)
4. Ông Trần Minh Thành – Kế toán trưởng (Xem thông tin mục HĐQT)

## I. Tóm tắt kết quả kinh doanh năm 2011 và giai đoạn (2007 – 2012)

### A. Những kết quả đã đạt được

- Hoạt động sản xuất kinh doanh duy trì được tốc độ tăng trưởng ấn tượng cả về doanh thu và lợi nhuận
- Cơ cấu lao động tương đối ổn định, tạo công ăn việc làm cho CB CNV đầy đủ, thu nhập của người lao động năm sau luôn cao hơn năm trước, môi trường làm việc ngày càng được cải thiện tốt, chính sách phúc lợi được nâng cao
- Tăng cường tốt công tác kiểm soát nội bộ tại các bến xe cũng như toàn Công ty
- Tăng cường mối quan hệ với các cơ quan chức năng, các doanh nghiệp vận tải, các bến xe tỉnh bạn để phối hợp chặt chẽ trong hoạt động sản xuất kinh doanh và đảm bảo an toàn giao thông
- Thực hiện tốt việc triển khai các Nghị quyết của ĐHCĐ, HĐQT về chiến lược đầu tư dài hạn, về huy động vốn cho đầu tư

### \* *Những kết quả cụ thể đã đạt được trong năm 2011 và giai đoạn (2007 – 2012)*

#### *1. Hoạt động quản lí và kinh doanh bến bãi*

“NBS” được giao nhiệm vụ là đơn vị thay mặt Sở GTVT tỉnh Nghệ An quản lí về mặt Nhà nước trong hoạt động vận tải khách bằng ô tô: sắp xếp luồng tuyến xe, lịch trình xe chạy, kiểm tra và xác nhận sổ nhật trình cho xe xuất bến, tổ chức bán vé cho khách đi xe,... Để hoạt động này đạt hiệu quả cao, đơn vị đã, đang và sẽ tiếp tục đào tạo đội ngũ cán bộ, nhân viên vững vàng về chuyên môn, tâm huyết với công việc. Tại các bến xe, việc sắp xếp các luồng tuyến hết sức khoa học và hợp lí, lịch trình xe chạy được thông báo rõ ràng, công tác bán vé, làm thủ tục cho xe chạy được thực hiện đúng quy định và nhanh chóng, công tác an ninh trật tự và vệ sinh môi trường luôn bảo đảm làm hài lòng khách đi xe cũng như lái, phụ xe mỗi khi vào bến. Với hệ thống bến xe khắp các huyện trên địa bàn tỉnh Nghệ An, đội ngũ nhân lực giàu kinh nghiệm, hệ thống kiểm soát nội bộ ngày càng được nâng cao nên trong thời gian qua Công ty luôn đạt được tốc độ tăng trưởng ấn tượng qua các năm, cụ thể như sau:

## Doanh thu kinh doanh dịch vụ bến bãi qua các năm

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	2007	2008	2009	2010	2011
1	Doanh thu	Tr.đ	11.771	19.170	23.337	28.628	37.882
2	<i>Tỷ lệ/Tổng DT</i>	%	<b>91,87</b>	<b>92,38</b>	<b>92,36</b>	<b>93,60</b>	<b>93,96</b>
3	Chuyến xe xuất bến	Chuyến	217.239	286.965	319.191	322.000	297.279
4	Khách xuất bến	Lượt	3.260.000	3.985.982	4.446.762	4.800.000	4.380.000

### *2. Kinh doanh Khách sạn, Nhà nghỉ*

Hầu hết các bến xe đều được đầu tư hệ thống khách sạn, nhà nghỉ.

- Tại Bến xe Vinh, Bến xe Chợ Vinh, NBS đã xây dựng hệ thống nhà nghỉ với hơn 40 phòng nghỉ được trang bị đầy đủ tiện nghi: Điều hòa nhiệt độ, nóng lạnh, truyền hình cáp,... đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách đi xe và lái phụ xe sau những chuyến đi dài mệt mỏi.

- Tại Bến xe Cửa Lò, NBS đã đầu tư khách sạn An Bình quy mô 02 tầng với 30 phòng nghỉ khang trang, đầy đủ tiện nghi sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu cho khách du lịch tại Bãi biển Cửa Lò trong mùa hè và nhu cầu nghỉ ngơi của các đoàn đến công tác, học tập tại Cửa Lò.

- Tại các Bến xe huyện, NBS cũng đã đầu tư hệ thống nhà nghỉ bình dân từ 3 – 10 phòng nghỉ/bến nhằm đáp ứng nhu cầu nghỉ ngơi của khách và lái, phụ xe đường dài.

## Doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ qua các năm

ĐVT: VND

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu	507,83	879,25	958,99	1.051,17	1.115,57
Tỷ lệ %/Tổng DT	3,96	4,24	3,79	3,44	2,77

### *3. Các dịch vụ khác*

Ngoài hoạt động quản lý và kinh doanh Bến bãi, kinh doanh khách sạn, nhà nghỉ. NBS còn đầu tư hệ thống văn phòng và kiốt kinh doanh để cho thuê.

- Tại Bến xe Vinh và Bến xe Chợ Vinh: NBS đầu tư 20 căn phòng làm việc cho các đơn vị vận tải, các doanh nghiệp thuê làm trụ sở, văn phòng giao dịch, văn phòng đại diện. Ngoài ra còn đầu tư hệ thống gần 100 kiốt cho các hộ kinh doanh thuê để bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống, kinh doanh giải khát, dịch vụ rửa xe,... nhằm đáp ứng một cách đầy đủ nhất các loại hình dịch vụ cho khách đi xe và lái, phụ xe.

- Tại các bến xe huyện, do được đặt tại trung tâm của thị xã và thị trấn, khu vực sầm uất nhất của các huyện nên NBS cũng đầu tư từ 5 – 10 kiốt/bến để cho các hộ kinh doanh thuê bán hàng, kinh doanh dịch vụ ăn uống,...

### **Doanh thu kinh doanh dịch vụ khách sạn, nhà nghỉ qua các năm**

ĐVT: Tr.đ

Chỉ tiêu	2007	2008	2009	2010	2011
Doanh thu	533,30	701,81	972,81	908,17	1.318,96
Tỷ lệ %/Tổng DT	4,16	3,38	3,85	2,97	3,27

\* Cuộc khủng hoảng Tài chính toàn cầu giai đoạn 2008 - 2011 đã làm cho hầu hết các nền kinh tế gặp nhiều khó khăn, đặc biệt năm 2011 kinh tế Việt Nam phải đối mặt với tình trạng lạm phát tăng cao, giá cả biến động mạnh, nguồn vốn bị thắt chặt,... phần lớn các doanh nghiệp Việt Nam đã phải thắt lưng buộc bụng, hạn chế đầu tư, thu hẹp hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm duy trì sự ổn định,... nhưng với nỗ lực của Hội đồng quản trị, Ban Tổng giám đốc cùng toàn thể cán bộ công nhân viên đã vượt qua những khó khăn, thách thức và hoàn thành các chỉ tiêu mà Đại HĐCĐ giao phó, đặc biệt chỉ tiêu doanh thu và lợi nhuận đã có được sự tăng trưởng ấn tượng trong suốt nhiệm kỳ II (2007 – 2012).

### **Tổng doanh thu và lợi nhuận sau thuế đạt được qua các năm**

Đơn vị tính: Tr.đ

TT	CHỈ TIÊU	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
1	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	12.813	20.751	25.268	30.587	40.316
2	Lợi nhuận sau thuế thu nhập	2.510	5.646	11.165	13.268	21.789
3	Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (Đ)	3.004	3.703	7.322	8.293	10.371

Như vậy, doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ bằng 314,65% (từ mức 12,813 tỷ đồng lên 40,316 tỷ đồng) và lợi nhuận sau thuế bằng 868,09% (từ mức 2,510 tỷ đồng lên 21,789 tỷ đồng) kể từ năm 2007 đến năm 2011.



**\* Các chỉ tiêu tài chính qua các năm**

**1. Khả năng sinh lời**

Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Lợi nhuận gộp/Doanh thu	21.58%	47.81%	63.53%	67.18%	70.33%
Lợi nhuận thuần/Doanh thu	22.68%	31.35%	44.19%	43.38%	59.22%
Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (ROA)	15.45%	22.05%	29.35%	26.66%	27.23%
Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE)	21.39%	28.05%	33.61%	30.59%	29.77%

Các chỉ số về khả năng sinh lời cho thấy, Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã duy trì khả năng sinh lời ấn tượng trong các năm qua. Tỷ lệ lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu (ROE) luôn đạt trên dưới 30%, điều này phản ánh rõ hiệu quả sử dụng vốn trong hoạt động kinh doanh của Công ty trong suốt thời gian qua.

**2. Khả năng thanh toán**

Các chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Khả năng thanh toán hiện thời	1.31	2.80	4.95	1.96	6.29
Khả năng thanh toán nhanh	1.26	0.25	0.94	1.75	6.07

Nhìn vào hệ số thanh toán ta nhận thấy, khả năng thanh toán của đơn vị qua các năm là rất an toàn, đảm bảo khả năng thanh toán tất cả các khoản nợ ngắn hạn của doanh nghiệp. Do vậy, rủi ro về khả năng thanh toán nhanh của Doanh nghiệp gần như không bị ảnh hưởng.

**3. Thay đổi về vốn góp của cổ đông qua các năm**

*Đơn vị tính: Cổ phần*

Các chỉ tiêu	Năm 2007	Năm 2008	Năm 2009	Năm 2010	Năm 2011
Cổ đông Nhà nước	424.500	636.750	636.750	636.750	1.273.500
Cổ đông chiến lược	0	0	300.000	300.000	500.000
Cổ đông cá nhân	411.400	663.250	663.250	663.250	1.379.700
<b>Tổng số cổ phần đang lưu hành tại 31/12</b>	<b>835.900</b>	<b>1.300.000</b>	<b>1.600.000</b>	<b>1.600.000</b>	<b>3.153.200</b>
Số cổ phần ưu đãi	0	0	0	0	0
Số cổ phần phổ thông	835.900	1.300.000	1.600.000	1.600.000	3.153.200

**\* Công tác lao động, tiền lương:**

- Lực lượng và cơ cấu lao động của Công ty tương đối ổn định qua các năm, đảm bảo sử dụng hiệu quả toàn bộ lao động đã được Công ty ký hợp đồng, sắp xếp lao động hợp lý tại các bộ phận nhằm phát huy hết khả năng làm việc của từng cá nhân

- Hàng năm Công ty đều rà soát lại quy chế lương, thưởng để phù hợp với thực tế và đặc thù công việc của đơn vị. Do vậy, chế độ người lao động được đảm bảo, mức thu nhập năm sau cao hơn năm trước, môi trường làm việc cũng như chế độ phúc lợi cho người lao động ngày càng được nâng cao

- Thực hiện đầy đủ chế độ cho người lao động theo quy định của pháp luật một cách kịp thời, nhanh như: chế độ BHXH, BHYT, BHTN, chế độ nghỉ phép, ốm đau, thai sản,... Ngoài ra, đơn vị còn mua thêm bảo hiểm con người cho CBCNV, phụ cấp trang phục, phụ cấp vùng miền,...

**\* Hoạt động đầu tư, xây dựng cơ bản:**

- Hoàn thiện thủ tục thuê đất tại 11/15 bến xe trực thuộc Công ty

- Đã tiến hành triển khai một số hạng mục của 2 dự án trọng điểm là bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh theo chủ trương của ĐHĐCĐ

- Mở rộng văn phòng Công ty, xây mới nhà điều hành bến xe Hòa Bình

- Kịp thời sửa chữa một số hạng mục tại văn phòng Công ty, các bến xe Vinh, Cửa Lò, Đô Lương, Tân Kỳ, Thanh Chương,...

- Đầu tư mới 2 xe ô tô 4 chỗ ngồi phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh

**\* Công tác Đảng, đoàn thể xã hội**

- Năm 2010 Công ty cổ phần bến xe Nghệ An đã thành lập Đảng bộ cơ sở trực thuộc Đảng ủy khối doanh nghiệp Nghệ An với 3 chi bộ gồm: Chi bộ văn phòng, chi bộ bến xe Vinh và chi bộ bến xe Chợ Vinh, tổng số đảng viên trong Đảng bộ là 32 người, trong đó có 2 đảng viên nữ. Định kỳ Ban chấp hành Đảng ủy và các Chi bộ sinh hoạt đầy đủ theo đúng quy định của Điều lệ Đảng

- Từ năm 2007 – 2011, các chi bộ đã giới thiệu 19 quần chúng tham gia các lớp học nhận thức về Đảng, kết nạp được 17 đảng viên mới, chuyển chính thức cho 15 đảng viên, trong đó có 1 đảng viên nữ. Hàng năm, tất cả các đảng viên đều xếp loại hoàn thành đến hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, không có đảng viên vi phạm tư cách

- Công đoàn Công ty đã tiến hành thành công đại hội nhiệm kỳ V (2011 – 2013), thống nhất được quy chế phối hợp giữa BCH với Tổng giám đốc về các hoạt động của doanh nghiệp

- Đoàn thanh niên và công đoàn đã theo dõi, giới thiệu những quần chúng ưu tú để các Chi bộ bồi dưỡng kết nạp vào hàng ngũ của Đảng. Tham gia và đạt giải một số hoạt động thể thao do Sở GTVT và Đảng ủy khối doanh nghiệp Nghệ An tổ chức: bóng đá, cầu lông,...

## B. Những tồn tại

- Hoạt động điều hành vận tải khách vẫn còn hiện tượng khiếu nại, khiếu kiện. Công tác phối hợp giữa các bên trực thuộc Công ty và giữa các bên với lực lượng chức năng, các doanh nghiệp vận tải chưa thực sự nhịp nhàng, chưa đạt hiệu quả cao

- Công tác chỉ đạo đầu tư xây dựng các dự án bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh quá chậm so với dự kiến dẫn đến lãng phí về vốn đầu tư

- Không thể triển khai đầu tư các bến xe ga Vinh, Quỳnh Lưu, Diễn Châu và Mường Xén do không tìm được địa điểm hoặc không giải phóng được mặt bằng

- Chưa mở rộng được ngành nghề kinh doanh mới do còn lúng túng trong việc tìm kiếm cơ hội đầu tư, mở rộng ngành nghề mới

- Mặc dù đã tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ, song vẫn còn hiện tượng thất thoát sản lượng tại các bến xe, các bộ phận

- Tinh thần đoàn kết ở các bộ phận còn chưa cao, nhiều người còn nặng suy nghĩ cá nhân, thiếu tinh thần tự giác

- Công tác đoàn thanh niên hoạt động còn thiếu sôi nổi, chưa có những sự kiện nổi bật

## **II. Kế hoạch kinh doanh năm 2012 và nhiệm kỳ III (2012 – 2017)**

- Năm 2012 và những năm đầu nhiệm kỳ III vẫn được dự báo là còn nhiều khó khăn và chứa đựng nhiều rủi ro cho nền kinh tế nói chung và các doanh nghiệp nói riêng. Giá cả các mặt hàng vẫn tăng mạnh, đặc biệt là giá xăng dầu; giá điện, nước cũng điều chỉnh tăng, tỷ giá hối đoái diễn biến phức tạp,... đã làm ảnh hưởng trực tiếp đến mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp, trong đó các doanh nghiệp vận tải được xem là một trong những ngành chịu nhiều tác động. Ngoài ra, việc giá cả leo thang sẽ làm ảnh hưởng đến cuộc sống của người dân, buộc mọi người phải thắt chặt chi tiêu, hạn chế đi lại, điều này càng khó khăn hơn cho các doanh nghiệp vận tải. Mặt khác, xu hướng trong những năm tới tiền lương cơ bản sẽ tiếp tục tăng theo lộ trình, các khoản BHXH, BHYT, BHTN tăng lên và xu hướng giá cả các loại hàng hóa cũng sẽ tăng, từ đó làm đẩy chi phí của đơn vị lên cao, ảnh hưởng trực tiếp đến lợi nhuận của Công ty.

- Giá cả các loại vật liệu xây dựng như: sắt, thép, xi măng,... cùng với đó là lãi suất ngân hàng tăng cao, tín dụng thắt chặt sẽ ảnh hưởng đến công tác đầu tư xây dựng các dự án của Công ty trong thời gian tới

- Năm 2013 và 2015 sẽ lần lượt đưa bến xe Bắc Vinh và Nam Vinh vào hoạt động, dự kiến doanh thu và lợi nhuận kinh doanh dịch vụ vận tải trong những năm đầu đưa bến xe mới vào hoạt động sẽ bị sụt giảm, hoạt động này sẽ ổn định trở lại sau 1 – 2 năm hoạt động

- Sự biến động nhanh chóng của nền kinh tế, những khó khăn vẫn còn hiện hữu cũng sẽ làm cho việc mở rộng ngành nghề kinh doanh của đơn vị phải thận trọng từ việc lựa chọn ngành nghề để mở rộng, quy mô và thời điểm,...

Với tình hình thực tế như trên, Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An đã xây dựng và thông qua các chỉ tiêu kế hoạch hết sức thận trọng cho năm 2012 và những năm tiếp theo như sau:

### **Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2012**

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2012	Tăng (Giảm) so với thực hiện 2011 (%)
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tr.đ	36.462	- 9,56
Lợi nhuận trước thuế	-	19.520	- 19,92
Lợi nhuận sau thuế	-	14.640	- 33,35%
Thu nhập/Mỗi cổ phần lưu hành (EPS)	Đồng	4.643	- 55,23%
Cổ tức dự kiến	%	20 – 25	
Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr.đ	20.000 – 30.000	

### **Kế hoạch sản xuất kinh doanh các năm từ 2013 – 2016**

Chỉ tiêu	ĐVT	2013	2014	2015	2016
Doanh thu	Tr.đ	42.114	40.956	42.798	44.040
Lợi nhuận sau thuế	Tr.đ	15.699	14.460	16.062	17.590
Tổng vốn đầu tư XDCB	Tr.đ	20.000	25.000	30.000	

Với kế hoạch như trên, nếu trong quá trình triển khai tùy thuộc vào điều kiện thuận lợi hoặc khó khăn, HĐQT sẽ điều chỉnh các chỉ tiêu kế hoạch sản xuất kinh doanh để trình ĐHĐCĐ thông qua cho phù hợp với điều kiện thực tế của từng năm. Kế hoạch trình bày ở trên chỉ là hoạt động kinh doanh dịch vụ vận tải khách bằng ô tô, sau này đơn vị mở rộng các ngành nghề mới HĐQT sẽ tính toán cụ thể các chỉ tiêu để trình ĐHĐCĐ.

### **D. BÁO CÁO TÀI CHÍNH TẠI NGÀY 31/12/2011 ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

## **CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

### **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Đơn vị") trình bày Báo cáo của Ban giám đốc cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán của Đơn vị cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

#### **Khái quát chung**

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 07 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 ngày 30 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 05 tháng 09 năm 2011.

Vốn điều lệ của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 04) là: **31.532.000.000đ** (Ba mươi một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

#### **Hội đồng quản trị**

Ông Hoàng Đức Long	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Ủy viên
Ông Vũ Phi Hồ	Ủy viên
Ông Võ Xuân Thanh	Ủy viên
Ông Trần Minh Thành	Ủy viên

#### **Ban kiểm soát**

Ông Lương Khắc Thành	Trưởng BKS
Ông Phạm Xuân Bích	Thành viên BKS
Ông Nguyễn Đình Lâm	Thành viên BKS

#### **Ban Giám đốc**

Các thành viên Ban Giám đốc và Kế toán trưởng đã điều hành Đơn vị trong năm và tại ngày lập Báo cáo này bao gồm:

Ông Hoàng Đức Long	Tổng Giám đốc
Ông Võ Xuân Thanh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Hồng Lĩnh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Trần Minh Thành	Kế toán trưởng

#### **Kiểm toán viên**

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011 của Đơn vị được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Đông Á.

## CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

### BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (TIẾP)

#### Kết quả hoạt động

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh của Đơn vị như sau:

- Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ **40.316.729.488 đ**
- Tổng lợi nhuận trước thuế **24.192.591.733 đ**

#### Các sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Ban Giám đốc Đơn vị khẳng định rằng, theo nhận định của Ban giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Đơn vị cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011.

#### Ý kiến của Ban Giám đốc

Tôi, **Hoàng Đức Long**, Tổng Giám đốc Công ty thay mặt và đại diện cho Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An, tại Báo cáo này xác nhận rằng theo ý kiến của Ban Giám đốc, Báo cáo tài chính cùng với các thuyết minh kèm theo từ trang 05 đến trang 22 đã được lập một cách đúng đắn, phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31/12/2011, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại Việt Nam. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các Chuẩn mực kế toán đang áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính này hay không;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.

Ban Giám đốc đảm bảo rằng Đơn vị đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính; các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Đơn vị, với mức độ trung thực hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính đã tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước đồng thời có trách nhiệm trong việc đảm bảo an toàn tài sản của Đơn vị và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Thay mặt Ban Giám đốc,



**Hoàng Đức Long**

**Tổng Giám đốc**

Thay mặt và đại diện cho

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012



# CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á

CHUYÊN NGÀNH TÀI CHÍNH, KẾ TOÁN & KIỂM TOÁN

Số: 46 /AEA-KT-TC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011  
của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An

**Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An**

Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán Báo cáo tài chính gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2011, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Đơn vị") từ trang 05 đến trang 22 kèm theo. Báo cáo tài chính đã được lập theo các chính sách kế toán trình bày trong thuyết minh số IV của phần Thuyết minh Báo cáo tài chính.

### Trách nhiệm của Ban Giám đốc và của Kiểm toán viên

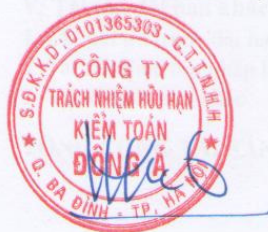
Việc lập và trình bày báo cáo này thuộc trách nhiệm của Ban giám đốc Đơn vị. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về các báo cáo này trên kết quả cuộc kiểm toán của chúng tôi.

### Cơ sở của ý kiến

Chúng tôi đã thực hiện công việc kiểm toán Báo cáo tài chính theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các Chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải lập kế hoạch và tiến hành kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý rằng Báo cáo tài chính không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Chúng tôi đã thực hiện việc kiểm tra theo phương pháp chọn mẫu và áp dụng các thử nghiệm cần thiết, các bằng chứng xác minh những thông tin trong Báo cáo tài chính; đánh giá việc tuân thủ các chuẩn mực và chế độ kế toán hiện hành (hoặc được chấp nhận), các nguyên tắc và phương pháp kế toán được áp dụng, các ước tính và xét đoán quan trọng của Ban giám đốc cũng như cách trình bày tổng quát Báo cáo tài chính. Chúng tôi cho rằng công việc kiểm toán của chúng tôi đã đưa ra những cơ sở hợp lý để làm căn cứ cho ý kiến của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An, xét trên các khía cạnh trọng yếu, đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Đơn vị tại ngày 31/12/2011 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành tại Việt Nam.



**Nguyễn Hữu Đông**  
Tổng giám đốc - Chứng chỉ KTV số: 0140/KTV  
Thay mặt và đại diện  
**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN ĐÔNG Á**  
Hà Nội, ngày 19 tháng 03 năm 2012

**Nguyễn Văn Vu**  
Kiểm toán viên  
Chứng chỉ KTV số: 0638/KTV

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2011

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đ

TÀI SẢN	Mã số	TM	31/12/2011	01/01/2011
<b>A/ TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>	<b>100</b>		<b>41.086.919.009</b>	<b>11.932.988.911</b>
<b>I/ Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>		<b>39.638.290.997</b>	<b>10.659.673.856</b>
1. Tiền	111	V.01	175.692.035	2.590.729.858
2. Các khoản tương đương tiền	112	V.02	39.462.598.962	8.068.943.998
<b>II/ Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>III/ Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>1.441.935.253</b>	<b>1.273.315.055</b>
1. Phải thu khách hàng	131		-	-
2. Trả trước cho người bán	132		1.146.594.730	1.144.934.480
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ KH hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	295.340.523	128.380.575
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		-	-
<b>IV/ Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V/ Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>6.692.759</b>	<b>-</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	-
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		-	-
3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	154	V.04	3.692.759	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	158		3.000.000	-
<b>B/ TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>200</b>		<b>38.944.976.024</b>	<b>37.842.816.728</b>
<b>I/ Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>II/ Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>38.761.237.846</b>	<b>37.806.661.863</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.05	4.480.528.618	7.037.443.322
- Nguyên giá	222		27.053.562.037	27.042.189.309
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(22.573.033.419)	(20.004.745.987)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.06	35.857.407	47.377.083
- Nguyên giá	228		84.559.000	69.559.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(48.701.593)	(22.181.917)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.07	34.244.851.821	30.721.841.458
<b>III/ Bất động sản đầu tư</b>	<b>240</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>IV/ Các khoản đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>250</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
<b>V/ Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>183.738.178</b>	<b>36.154.865</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.08	183.738.178	36.154.865
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>270</b>		<b>80.031.895.033</b>	<b>49.775.805.639</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.



## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)

Tại ngày 31/12/2011

Mẫu số B 01 - DN

Đơn vị tính: đ

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	31/12/2011	01/01/2011
<b>A/ NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>300</b>		<b>6.845.906.241</b>	<b>6.402.328.829</b>
<b>I/ Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>6.523.589.541</b>	<b>6.080.012.129</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311		-	-
2. Phải trả người bán	312		569.898.400	257.486.400
3. Người mua trả tiền trước	313		-	-
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.09	3.536.488.996	1.479.554.954
5. Phải trả người lao động	315		1.367.274.470	713.113.014
6. Chi phí phải trả	316		-	712.691.500
9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.10	809.086.636	1.906.045.732
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng phúc lợi	323		240.841.039	1.011.120.529
<b>II/ Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>322.316.700</b>	<b>322.316.700</b>
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		322.316.700	322.316.700
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
<b>B/ VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>400</b>		<b>73.185.988.792</b>	<b>43.373.476.810</b>
<b>I/ Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>V.11</b>	<b>73.185.988.792</b>	<b>43.373.476.810</b>
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		31.532.000.000	16.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		1.441.530.758	1.384.600.000
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		2.969.144.190	2.969.144.190
4. Cổ phiếu quỹ	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		18.278.778.866	10.317.496.402
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		1.608.409.272	944.969.067
9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		17.356.125.706	11.757.267.151
11. Nguồn vốn đầu tư XDCB	421		-	-
12. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422		-	-
<b>II/ Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>	<b>430</b>		<b>-</b>	<b>-</b>
1. Nguồn kinh phí	432		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	433		-	-
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>	<b>440</b>		<b>80.031.895.033</b>	<b>49.775.805.639</b>

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Tại ngày 31/12/2011

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	TM	31/12/2011	01/01/2011
1. Tài sản thuê ngoài		-	-
2. Vật tư, hàng hoá nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3. Hàng hoá nhận bán hộ, nhận ký gửi		-	-
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5. Ngoại tệ các loại		-	-
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-
7. Chi phí trả trước		-	-
8. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02)		40.316.729.485	30.587.672.098
9. Giá vốn hàng bán		-	-
10. Lợi nhuận thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 - 01 - 02) - 9		40.316.729.485	30.587.672.098
11. Lợi nhuận gộp về kinh doanh khác		-	-
12. Lợi nhuận thuần về kinh doanh khác (10 - 11)		-	-
13. Doanh thu tài chính (10 - 12)		-	-
14. Chi phí tài chính (10 - 13)		-	-
15. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (10 - 11 - 12) - (13 + 14)		40.316.729.485	30.587.672.098
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		-	-
18. Lợi cơ bản (tức cổ phần)		-	-

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Long

Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Trần Minh Thành

Kế toán trưởng

*(Handwritten signature)*

Trần Minh Thành

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Tổng Giám đốc



Hoàng Đức Long

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**

Năm 2011

Mẫu số B 02 - DN

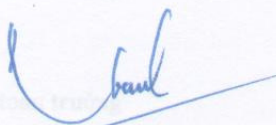
Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Mã số	TM	Năm 2011	Năm 2010
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	40.316.729.488	30.587.672.098
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
<b>3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)</b>	<b>10</b>		<b>40.316.729.488</b>	<b>30.587.672.098</b>
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.02	11.961.031.379	10.038.674.764
<b>5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)</b>	<b>20</b>		<b>28.355.698.109</b>	<b>20.548.997.334</b>
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	2.869.180.974	1.167.071.747
7. Chi phí tài chính	22		-	-
<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8. Chi phí bán hàng	24		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		7.348.389.350	6.637.340.736
<b>10. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh (30 = 20 + (21-22) - (24+25))</b>	<b>30</b>		<b>23.876.489.733</b>	<b>15.078.728.345</b>
11. Thu nhập khác	31		316.102.000	85.619.207
12. Chi phí khác	32		-	-
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40		316.102.000	85.619.207
<b>14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)</b>	<b>50</b>		<b>24.192.591.733</b>	<b>15.164.347.552</b>
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	VI.04	2.402.905.647	1.895.543.444
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
<b>17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp</b>	<b>60</b>		<b>21.789.686.086</b>	<b>13.268.804.108</b>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.05	10.289	8.293

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Trần Minh Thành



Hoàng Đức Long

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TÊ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2011

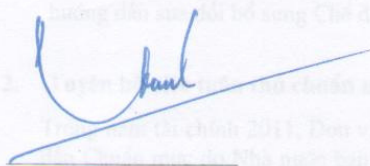
Mẫu số B 03 - DN

Đơn vị tính: đ

Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2011	Năm 2010
<b>I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh</b>			
1 Lợi nhuận trước thuế	01	24.192.591.733	15.164.347.552
2 Điều chỉnh các khoản			
- Khấu hao TSCĐ	02	2.594.807.108	2.790.256.162
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(3.185.282.974)	(1.167.071.747)
- Chi phí lãi vay	06	-	-
3 Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	23.602.115.867	16.787.531.967
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(175.312.957)	(483.405.911)
- Tăng giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế TNDN phải nộp)	11	(1.452.663.898)	586.934.834
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	(147.583.313)	333.343.814
- Thuế TNDN đã nộp	14	(506.664.337)	(1.638.522.358)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	141.619.207
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(770.279.490)	(264.283.185)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động SXKD</b>	20	<b>20.549.611.872</b>	<b>15.463.218.368</b>
<b>II Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư</b>			
1 Tiền chi mua sắm xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21	(3.699.306.463)	(23.553.614.071)
4 Tiền thu hồi cho vay, bán lại công cụ nợ của các đơn vị khác	24	-	15.927.845.324
7 Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.869.180.974	1.085.208.382
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>	30	<b>(830.125.489)</b>	<b>(6.540.560.365)</b>
<b>III Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính</b>			
1 Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	15.588.930.758	-
6 Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(6.329.800.000)	(2.240.000.000)
<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>	40	<b>9.259.130.758</b>	<b>(2.240.000.000)</b>
<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ</b>	50	<b>28.978.617.141</b>	<b>6.682.658.003</b>
<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>	60	<b>10.659.673.856</b>	<b>3.977.015.853</b>
<b>Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ</b>	61	-	-
<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	70	<b>39.638.290.997</b>	<b>10.659.673.856</b>

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012

Kế toán trưởng



Trần Minh Thành



Tổng Giám đốc

Hoàng Đức Long

Các thuyết minh từ trang 10 đến trang 22 là bộ phận hợp thành của Báo cáo tài chính.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP**

Công ty Cổ phần Bến xe Nghệ An (sau đây gọi tắt là "Đơn vị") là Công ty cổ phần được thành lập theo Quyết định số 2502/QĐ-UB-ĐMDN ngày 07 tháng 07 năm 2004 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Nghệ An.

Hoạt động kinh doanh của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 2900599622 ngày 30 tháng 07 năm 2004, đăng ký thay đổi lần 04 ngày 05 tháng 09 năm 2011 bao gồm:

- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt và đường bộ: Dịch vụ bến xe, bãi đỗ xe, trông giữ ô tô;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê: Cho thuê văn phòng, ki ốt kinh doanh; Đầu tư xây dựng và kinh doanh cơ sở hạ tầng khu công nghiệp, khu dân cư, khu vui chơi giải trí; Kinh doanh bất động sản;
- Bán buôn ô tô và xe có động cơ khác;
- Dịch vụ lưu trú ngắn ngày;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động;
- Vận tải hành khách đường bộ khác: Vận tải hành khách theo hợp đồng, khách du lịch;
- Khai khoáng khác chưa được phân vào đâu: Khai thác, chế biến khoáng sản;
- Bán buôn tổng hợp: Mua bán khoáng sản.

Vốn điều lệ của Đơn vị theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (thay đổi lần 04) là: **31.532.000.000đ** (Ba mươi một tỷ năm trăm ba mươi hai triệu đồng chẵn).

Trụ sở chính: Số 77, đường Lê Lợi, phường Lê Lợi, thành phố Vinh, tỉnh Nghệ An.

**II. KỶ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

Báo cáo tài chính được lập bằng đồng Việt Nam (đ), theo nguyên tắc giá gốc, phù hợp với các nguyên tắc kế toán được chấp nhận chung tại Việt Nam, Hệ thống kế toán Việt Nam và các quy định về kế toán hiện hành tại Việt Nam.

Niên độ kế toán: Từ 01/01 đến 31/12 dương lịch hàng năm

**III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Chế độ kế toán áp dụng**

Đơn vị áp dụng Chế độ kế toán theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ Tài chính về việc ban hành Chế độ kế toán doanh nghiệp và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 hướng dẫn sửa đổi bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

**2. Tuyên bố việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán Việt Nam**

Trong năm tài chính 2011, Đơn vị đã thực hiện các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng quy định của từng Chuẩn mực, thông tư hướng dẫn Chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành.

**3. Hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ - Kế toán trên máy vi tính.**

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B 09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG****1. Nguyên tắc xác định các khoản tiền và tương đương tiền**

Các khoản tương đương tiền được xác định là các khoản đầu tư có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá ba tháng, có khả năng chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo; Nguyên tắc chuyển đổi các đồng tiền khác ra đồng tiền sử dụng trong kế toán căn cứ vào tỷ giá hối đoái thực tế của ngân hàng Đơn vị giao dịch tại thời điểm có nghiệp vụ kinh tế phát sinh. Cuối năm tài chính, được đánh giá lại theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm tài chính.

**2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được đánh giá theo nguyên tắc giá gốc, giá trị hàng tồn kho cuối kỳ được xác định theo phương pháp nhập trước - xuất trước. Phương pháp hạch toán hàng tồn kho là kê khai thường xuyên;

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm, là số chênh lệch giữa giá gốc hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được.

**3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ**

- Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận và xác định nguyên giá phù hợp với chuẩn mực số 03 - Tài sản cố định hữu hình;

Khấu hao tài sản cố định hữu hình được tính theo phương pháp khấu hao đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp với quy định tại Thông tư số 203/2009/TT-BTC ngày 20/10/2009 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định.

Thời gian trích khấu hao mà Đơn vị áp dụng cụ thể như sau:

	<i>Thời gian khấu hao</i>
Nhà cửa vật kiến trúc	3 - 10 năm
Máy móc thiết bị	3 - 5 năm
Phương tiện vận tải và thiết bị truyền dẫn	5 - 6 năm
Thiết bị dụng cụ quản lý	3 - 4 năm

- Tài sản cố định vô hình được ghi nhận và xác định nguyên giá phù hợp với chuẩn mực số 04 - Tài sản cố định vô hình;

*Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan*

Bao gồm toàn bộ chi phí để đưa Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan vào sử dụng. Website, phần mềm kế toán và hệ thống mạng lan được khấu hao trong vòng 03 năm.

**4. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước**

**Chi phí trả trước:** Phản ánh các khoản chi phí thực tế đã phát sinh, nhưng có liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ hạch toán thuộc một hay nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nên chưa được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ phát sinh.

**Phương pháp phân bổ chi phí trả trước:** Việc tính và phân bổ chi phí trả trước vào chi phí kinh doanh vào từng kỳ hạch toán căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí. Các khoản chi phí trả trước được theo dõi chi tiết phát sinh tăng, giảm, chi phí chưa phân bổ của từng khoản mục.

**5. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả**

Phản ánh các khoản được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ nhưng thực tế chưa chi trả trong kỳ này. Việc hạch toán các khoản chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh kỳ được thực hiện theo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ.

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B 09 - DN***(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (TIẾP)****6. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Nguồn vốn kinh doanh của Đơn vị được góp từ khi thành lập và được góp bổ sung trong quá trình hoạt động kinh doanh.

Các quỹ được hình thành từ phân phối nhuận của hoạt động kinh doanh.

**7. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu**

*Doanh thu bán hàng* được ghi nhận khi kết quả giao dịch hàng hoá, dịch vụ được xác định một cách đáng tin cậy và Đơn vị có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ các giao dịch này. Việc bán hàng được ghi nhận khi giao hàng và chuyển quyền sở hữu cho người mua và được người mua chấp nhận thanh toán.

*Doanh thu cung cấp dịch vụ* được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành.

*Doanh thu hoạt động tài chính* : Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng. Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Đơn vị có quyền nhận khoản lãi.

**8. Trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm**

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm dùng để chi trả trợ cấp thôi việc, mất việc, Mức trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm từ 1% - 3% quỹ lương làm cơ sở đóng BHXH và được hạch toán vào chi phí trong kỳ. Trường hợp quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người thôi việc, mất việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

**9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập hoãn lại**

Thuế TNDN thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Thuế suất thuế TNDN là 25%. Đơn vị thuộc diện được hưởng ưu đãi về thuế TNDN sau cổ phần hóa theo hướng dẫn tại Điểm 1.3, Mục III, Phần E của Thông tư 128/2003/TT-BTC ngày 22/12/2003 của Bộ tài chính : Được miễn thuế 02 năm, kể từ khi có thu nhập chịu thuế và giảm 50% số thuế phải nộp trong 05 năm tiếp theo (hiện nay Thông tư này đã được thay thế bằng Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn về thuế TNDN, tuy nhiên các điều khoản ưu đãi mà Đơn vị được hưởng như đã nêu trên vẫn được giữ nguyên). Năm 2011 là năm cuối cùng Công ty được hưởng ưu đãi thuế TNDN theo quy định tại Thông tư này. Trong năm 2011, Đơn vị còn được giảm 30% thuế TNDN phải nộp đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa thực hiện theo Thông tư 154/2011/TT-BTC ngày 11/11/2011.

Việc xác định thuế TNDN của Đơn vị căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế TNDN tùy thuộc vào kết quả thẩm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các khoản thuế và lệ phí khác nộp theo quy định hiện hành của Nhà nước.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN****01. Tiền**

04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

Chỉ tiêu	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
<b>Tiền mặt</b>	<b>91.935.346</b>	<b>42.551.965</b>
<b>Tiền gửi ngân hàng</b>	<b>83.756.689</b>	<b>2.548.177.893</b>
<i>Tiền gửi VND</i>	<i>83.756.689</i>	<i>2.548.177.893</i>
- Ngân hàng VPBANK - CN Nghệ An	5.208.162	2.356.080.542
- Ngân hàng Công thương Nghệ An	5.966.373	5.787.851
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn - CN Nghệ An	12.806.850	42.791.650
- Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín - CN Nghệ An	1.713.276	14.022.669
- Ngân hàng TMCP Hàng Hải - CN Nghệ An	56.988.434	129.495.181
- Ngân hàng TMCP Liên Việt - CN Nghệ An	1.073.594	-
<b>Tiền đang chuyển</b>	<b>-</b>	<b>-</b>
<b>Tổng cộng</b>	<b>175.692.035</b>	<b>2.590.729.858</b>

**02. Các khoản tương đương tiền (\*)**

Chỉ tiêu	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng VPBANK	16.164.286.111	3.668.943.998
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Sài Gòn Thương Tín	9.477.951.667	1.400.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Hàng Hải	-	3.000.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn tại Ngân hàng TMCP Liên Việt	13.820.361.184	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>39.462.598.962</b>	<b>8.068.943.998</b>

**Ghi chú (\*)**: Là các khoản tiền gửi tiết kiệm có kỳ hạn dưới 3 tháng tại các Ngân hàng trên.**03. Các khoản phải thu khác**

Chỉ tiêu	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Phải thu khác	295.340.523	128.380.575
<i>Phải thu bên Bảo hiểm</i>	<i>23.319.762</i>	<i>-</i>
<i>Phải thu khác</i>	<i>272.020.761</i>	<i>128.380.575</i>
<b>Tổng cộng</b>	<b>295.340.523</b>	<b>128.380.575</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****04. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước**

Chỉ tiêu	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Thuế GTGT	-	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	-	-
- Thuế TNCN	16.700.000	69.559.000
- Thuế nhà đất, tiền thuê đất	3.692.759	-
- Các khoản khác phải thu Nhà nước	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.692.759</b>	<b>-</b>

**05. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Chỉ tiêu	Nhà cửa, vật kiến trúc đ	Phương tiện vận tải, TD đ	Thiết bị, DC quản lý đ	Tổng cộng đ
<b>Nguyên giá</b>				
Tại 01/01/2011	23.373.133.584	2.678.077.148	990.978.577	27.042.189.309
Số tăng trong kỳ	-	-	11.372.728	11.372.728
Mua trong kỳ	-	-	11.372.728	11.372.728
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	23.373.133.584	2.678.077.148	1.002.351.305	27.053.562.037
<b>Giá trị hao mòn</b>				
Tại 01/01/2011	18.285.009.397	1.196.996.330	522.740.260	20.004.745.987
Số tăng trong kỳ	1.928.238.381	446.346.192	193.702.859	2.568.287.432
Khấu hao trong kỳ	1.928.238.381	446.346.192	193.702.859	2.568.287.432
Số giảm trong kỳ	-	-	-	-
Tại 31/12/2011	20.213.247.778	1.643.342.522	716.443.119	22.573.033.419
<b>Giá trị còn lại</b>				
Tại 01/01/2011	5.088.124.187	1.481.080.818	468.238.317	7.037.443.322
Tại 31/12/2011	3.159.885.806	1.034.734.626	285.908.186	4.480.528.618

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	183.738.178	36.154.863
- Chi phí đang chờ chi trả lãi	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>183.738.178</b>	<b>36.154.863</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****06. Tăng giảm Tài sản cố định vô hình**

Chỉ tiêu	Website	Hệ thống mạng	Tổng cộng
		lan, Phần mềm kế toán	
	đ	đ	đ
<b>Nguyên giá TSCĐ VH</b>			
Tại 01/01/2011	16.700.000	52.859.000	69.559.000
Mua trong năm	-	15.000.000	15.000.000
Tại 31/12/2011	16.700.000	67.859.000	84.559.000
<b>Giá trị hao mòn</b>			
Tại 01/01/2011	6.030.556	16.151.361	22.181.917
Khấu hao trong năm	5.566.668	20.953.008	26.519.676
Tăng khác	-	-	-
Giảm khác	-	-	-
Tại 31/12/2011	11.597.224	37.104.369	48.701.593
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại 01/01/2011	10.669.444	36.707.639	47.377.083
Tại 31/12/2011	5.102.776	30.754.631	35.857.407

**07. Chi phí Xây dựng cơ bản dở dang**

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
- Mở rộng sân -Ki ốt bến Chợ	229.021.498	229.021.498
- Công trình bến xe Diễn Châu	27.892.182	27.892.182
- Công trình bến xe Nam Vinh	22.206.421.761	19.434.721.580
- Công trình bến xe Bắc Vinh	11.734.747.554	10.983.437.372
- Sửa chữa lớn tài sản cố định	46.768.826	46.768.826
<b>Tổng cộng</b>	<b>34.244.851.821</b>	<b>30.721.841.458</b>

**08. Chi phí trả trước dài hạn**

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
	đ	đ
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	-	-
- Công cụ dụng cụ chờ phân bổ	183.738.178	36.154.865
<b>Tổng cộng</b>	<b>183.738.178</b>	<b>36.154.865</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)****Mẫu số B 09 - DN**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****09. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước (\*)**

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
	<i>d</i>	<i>d</i>
- Thuế giá trị gia tăng	262.280.281	56.600.369
- Thuế Thu nhập doanh nghiệp	3.165.023.855	1.268.782.545
- Thuế thu nhập cá nhân	97.378.960	34.044.140
- Thuế nhà đất và tiền thuê đất	-	108.322.000
- Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	11.805.900	11.805.900
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.536.488.996</b>	<b>1.479.554.954</b>

(\*): Số liệu quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng các luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể hiểu theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

**10. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác**

Chỉ tiêu	31/12/2011	01/01/2011
	<i>d</i>	<i>d</i>
- Bảo hiểm xã hội, y tế	-	409.232
- Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	444.000.000	404.000.000
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	365.086.636	1.501.636.500
<b>Tổng cộng</b>	<b>809.086.636</b>	<b>1.906.045.732</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

Mẫu số B 09 - DN

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)***(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)***V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****11. Vốn chủ sở hữu****11a. Bảng đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Vốn khác của CSH	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Quỹ khác thuộc VCSH	Lợi nhuận ST chưa phân phối	Tổng cộng
	đ	đ	đ	đ	đ	đ	đ	đ
<b>Số dư tại 01/01/2010</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.384.600.000</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>2.569.569.322</b>	<b>610.005.925</b>	<b>26.874.134</b>	<b>9.660.159.073</b>	<b>33.220.352.644</b>
- Lãi trong năm trước	-	-	-	-	-	-	13.268.804.108	13.268.804.108
- Trích quỹ từ lợi nhuận	-	-	-	7.753.067.080	334.963.142	-	(11.165.438.077)	(3.077.407.855)
- Giảm khác	-	-	-	(5.140.000)	-	(26.874.134)	(6.257.953)	(38.272.087)
<b>Số dư tại 31/12/2010</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.384.600.000</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>10.317.496.402</b>	<b>944.969.067</b>	<b>-</b>	<b>11.757.267.151</b>	<b>43.373.476.810</b>
<b>Số dư tại 01/01/2011</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>1.384.600.000</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>10.317.496.402</b>	<b>944.969.067</b>	<b>-</b>	<b>11.757.267.151</b>	<b>43.373.476.810</b>
- Tăng vốn năm nay	15.532.000.000	-	-	-	-	-	-	15.532.000.000
- Lãi trong năm nay	-	-	-	-	-	-	21.789.686.086	21.789.686.086
- Trích quỹ từ lợi nhuận (1)	-	-	-	7.961.282.464	663.440.205	-	(8.624.722.669)	-
- Trích Quỹ khen thưởng, phúc lợi (1)	-	-	-	-	-	-	(663.440.205)	(663.440.205)
- Tăng khác	-	176.748.940	-	-	-	-	-	176.748.940
- Chia cổ tức (2)	-	-	-	-	-	-	(1.600.000.000)	(1.600.000.000)
- Tạm chia cổ tức (3)	-	-	-	-	-	-	(4.729.800.000)	(4.729.800.000)
- Giảm khác	-	(119.818.182)	-	-	-	-	(572.864.657)	(692.682.839)
<b>Số dư tại 31/12/2011</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>1.441.530.758</b>	<b>2.969.144.190</b>	<b>18.278.778.866</b>	<b>1.608.409.272</b>	<b>-</b>	<b>17.356.125.706</b>	<b>73.185.988.792</b>

(1) Trong năm, Đơn vị đã thực hiện phân phối lợi nhuận của năm 2010 vào các quỹ theo Nghị quyết Hội nghị Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2011 số 143/NQ-ĐHĐCD ngày 30 tháng 06 năm 2011.

(2) Trong năm, Đơn vị đã trả tiền cổ tức đợt 2 cho năm tài chính 2010 với mức 10% vốn điều lệ bằng tiền mặt, tương đương 1.600.000.000 đ theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 30 tháng 06 năm 2011.

(3) Trong năm, Đơn vị đã tạm trích chi trả cổ tức cho năm tài chính 2011 với mức 15% vốn điều lệ bằng tiền mặt, tương đương 4.729.800.000 đ theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 257/NQ-HĐQT ngày 11 tháng 10 năm 2011.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

Mẫu số B 09 - DN

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****11. Vốn chủ sở hữu (tiếp)****11b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

Chỉ tiêu	31/12/2011				01/01/2011			
	Số lượng		Giá trị đ	Tỷ lệ %	Số lượng		Giá trị đ	Tỷ lệ %
	CP thường	CP ưu đãi			CP thường	CP ưu đãi		
<b>- Vốn góp của Nhà nước</b>								
Tổng công ty đầu tư và kinh doanh vốn nhà nước	1.273.500	-	12.735.000.000	40%	636.750	-	6.367.500.000	40%
	1.273.500	-	12.735.000.000	40%	636.750	-	6.367.500.000	40%
<b>- Vốn góp của cổ đông khác</b>								
Công ty THNN SX&TM Quốc tế Vũ Hoàng	1.879.700	-	18.797.000.000	60%	963.250	-	9.632.500.000	60%
Cổ đông khác	500.000	-	5.000.000.000	16%	300.000	-	3.000.000.000	19%
	1.379.700	-	13.797.000.000	44%	663.250	-	6.632.500.000	41%
<b>Tổng cộng</b>	<b>3.153.200</b>	<b>-</b>	<b>31.532.000.000</b>	<b>100%</b>	<b>1.600.000</b>	<b>-</b>	<b>16.000.000.000</b>	<b>100%</b>

**Ghi chú:** Trong năm tài chính 2011, Đơn vị đã phát hành chào bán cổ phiếu với số lượng được phép là 3.400.000 cổ phần, tổng giá trị chào bán là 46.600.000.000 đ. Nhưng thực tế chào bán được trong năm là 1.553.200 cổ phần tương đương với 45,68%. Số lượng phát hành với giá trị tương ứng là 15.532.000.000 đ.

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP)****11. Vốn chủ sở hữu (tiếp)****11c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận**

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	Năm 2011 đ	Năm 2010 đ
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	16.000.000.000	16.000.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	15.532.000.000	
+ Vốn góp giảm trong năm	-	
+ Vốn góp cuối năm	31.532.000.000	16.000.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	4.729.800.000	1.600.000.000
<b>Tổng cộng</b>	<b>26.802.200.000</b>	<b>14.400.000.000</b>

**11d. Cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.400.000	1.600.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.153.200	1.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	1.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ Cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.153.200	1.600.000
+ Cổ phiếu phổ thông	3.153.200	1.600.000
+ Cổ phiếu ưu đãi	-	-
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đ	31.532.000.000	16.000.000.000

**11e. Các quỹ của doanh nghiệp**

Chỉ tiêu	Đơn vị: triệu đồng	
	31/12/2011 đ	01/01/2011 đ
- Quỹ đầu tư phát triển	18.278.778.866	10.317.496.402
- Quỹ dự phòng tài chính	1.608.409.272	944.969.067
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>19.887.188.138</b>	<b>11.262.465.469</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN****BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH****01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	40.316.729.488	30.587.672.098
<b>Tổng cộng</b>	<b>40.316.729.488</b>	<b>30.587.672.098</b>

**02. Giá vốn hàng bán**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Giá vốn cung cấp dịch vụ	11.961.031.379	10.038.674.764
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.961.031.379</b>	<b>10.038.674.764</b>

**03. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.869.180.974	1.167.071.747
- Doanh thu hoạt động tài chính khác	-	-
<b>Tổng cộng</b>	<b>2.869.180.974</b>	<b>1.167.071.747</b>

**04. Chi phí thuế TNDN hiện hành**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Lợi nhuận trước thuế	24.192.591.733	15.164.347.552
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	83.904.110	-
Trừ: Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	-
Cộng: Các khoản chi phí không được trừ	83.904.110	-
- Thu nhập chịu thuế	24.276.495.843	15.164.347.552
- Thuế suất	25%	25%
- Thuế TNDN	6.069.123.961	3.791.086.888
- Miễn, giảm thuế	(3.666.218.314)	(1.895.543.444) <sup>(*)</sup>
<b>- Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>	<b>2.402.905.647</b>	<b>1.895.543.444</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (TIẾP)****04. Chi phí thuế TNDN hiện hành (tiếp)**

(\*) : - Số dư đầu kỳ cột "Năm 2010" trình bày trên Báo cáo tài chính phần "Miễn, giảm thuế" với số tiền là 1.895.543.444 đ. Nhưng trên thực tế số tiền được miễn, giảm này được tính lại là 1.738.957.075 đ.

- Lợi nhuận trước thuế		15.164.347.552
Từ hoạt động kinh doanh	(1)	13.911.656.598
Từ hoạt động tài chính, hoạt động khác		1.252.690.954
- Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		-
- Thu nhập chịu thuế		15.164.347.552
- Thuế suất	(2)	25%
- Thuế TNDN		3.791.086.888
- Miễn, giảm thuế	(3)=(1)*(2)*50%	(1.738.957.075)
<b>Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành</b>		<b>2.052.129.813</b>

- Theo quy định tại Thông tư 130/2008/TT-BTC ngày 26 tháng 12 năm 2008 hướng dẫn thi hành Luật thuế TNDN của Bộ Tài chính thì việc ưu đãi thuế TNDN không áp dụng đối với các khoản thu nhập khác (Thu nhập khác là các khoản thu nhập quy định tại khoản 3.5, mục V, phần C của Thông tư này).

Như vậy tổng chi phí thuế TNDN hiện hành trong năm 2010 là **2.052.129.813 đ** (Chênh lệch tăng 156.586.369 đ so với số thuế TNDN phải nộp trên Báo cáo tài chính đã được kiểm toán năm 2010).

Trong năm 2011, theo quyết định 305/QĐ-TTR "Quyết định Về việc thu hồi tiền sai phạm" của Chánh thanh tra tỉnh Nghệ An ngày 21 tháng 11 năm 2011, Đơn vị bị truy thu thuế TNDN (do Đơn vị đã áp dụng việc ưu đãi thuế TNDN đối với các khoản thu nhập khác) với tổng số tiền truy thu năm 2009 là 150.752.801 đ, năm 2010 là 156.586.369 đ. Số tiền truy thu thuế này Đơn vị đã ghi giảm Lợi nhuận sau thuế TNDN năm 2011.

- Vậy, Báo cáo tài chính năm 2011 không thực hiện điều chỉnh số liệu như đã nêu trên.

**05. Lãi cơ bản trên cổ phiếu**

Chỉ tiêu	Năm 2011	Năm 2010
	đ	đ
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	21.789.686.086	13.268.804.108
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	-	-
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	-	-
- Lợi nhuận hoặc (Lỗ) phân bổ cho cổ đông phổ thông	21.789.686.086	13.268.804.108
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	2.117.733	1.600.000
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>10.289</b>	<b>8.293</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN BẾN XE NGHỆ AN**

Số 77 - đường Lê Lợi - Thành phố Vinh - tỉnh Nghệ An

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2011

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP)**

Mẫu số B 09 - DN

(Các thuyết minh từ trang 10 đến 22 là bộ phận không thể tách rời và cần được đọc đồng thời với Báo cáo tài chính)

**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****01. Các bên liên quan***Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt*

- Tổng lương trả cho HĐQT và BKS trong năm 2011 là: 1.941.985.517 đ
- Thù lao trả HĐQT và BKS trong năm 2011 là: 350.000.000 đ

*Giao dịch với các bên liên quan khác*

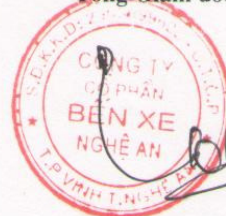
*Bên liên quan khác:* Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC) hiện đang sở hữu 40% vốn của Công ty, Trong năm Công ty đã có các giao dịch với Tổng Công ty Đầu tư và Kinh doanh vốn nhà nước (SCIC):

- + Trả tiền cổ tức năm 2010: 640.000.000 đ
- + Trả tiền cổ tức năm 2011: 1.910.250.000 đ

**02. Số liệu so sánh**

Số liệu Báo cáo tài chính của Đơn vị tại ngày 31/12/2010 chuyển sang số dư đầu kỳ 01/01/2011 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn tài chính.

Nghệ An, ngày 16 tháng 03 năm 2012

**Kế toán trưởng****Trần Minh Thành****Tổng Giám đốc****Hoàng Đức Long**

## E. CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC: (Chi tiết xem Website của Công ty)

1. Tổ hợp dự án Bến xe Nam Vinh – Xã Hưng Lợi, huyện Hưng Nguyên, Nghệ An;
2. Tổ hợp dự án Bến xe Bắc Vinh – Xã Nghi Kim, TP.Vinh, Nghệ An;
3. Bến xe Vinh – Số 77, đường Lê Lợi, TP.Vinh, Nghệ An;
4. Bến xe Chợ Vinh – phường Vinh Tân, TP.Vinh, Nghệ An;
5. Bến xe Đô Lương – Xã Yên Sơn, huyện Đô Lương, Nghệ An;
6. Bến xe Cửa Lò – Xã Nghi Thu, TX Cửa Lò, Nghệ An;
7. Bến xe Nam Đàn – Xã Vân Diên, huyện Nam Đàn, Nghệ An;
8. Bến xe Nghĩa Đàn – Phường Hòa Hiếu, TX Thái Hòa, Nghệ An;
9. Bến xe Tân Kỳ - Thị trấn Tân Kỳ, huyện Tân Kỳ, Nghệ An;
10. Bến xe Con Cuông – Thị trấn Con Cuông, huyện Con Cuông, Nghệ An;
11. Bến xe Quế Phong – Thị trấn Kim Sơn, huyện Quế Phong, Nghệ An;
12. Bến xe Quỳnh Hợp – Thị trấn Quỳnh Hợp, huyện Quỳnh Hợp, Nghệ An;
13. Bến xe Dừng – Thị trấn Dừng, huyện Thanh Chương, Nghệ An;
14. Bến xe Quỳnh Châu – Thị trấn Quỳnh Châu, huyện Quỳnh Châu, Nghệ An;
15. Bến xe Hòa Bình – Thị trấn Hòa Bình, huyện Tương Dương, Nghệ An;
16. Bến xe Mường Xén – Thị trấn Mường Xén, huyện Kỳ Sơn, Nghệ An.

## F. NHÂN SỰ CỦA CÔNG TY

Tiêu chí	Số lượng	Tỷ lệ
<b>* Tổng số lao động trong toàn Công ty tính đến 31/12/2011</b>	<b>133</b>	<b>100,00%</b>
<b>I. Phân theo trình độ chuyên môn</b>		
1. Đại học	44	33,08%
2. Cao đẳng và trung cấp	43	32,33%
3. Công nhân kỹ thuật và lao động phổ thông	46	34,59%
<b>II. Phân theo giới tính</b>		
1. Tổng số lao động là nam giới	75	56,39%
2. Tổng số lao động là nữ giới	58	43,61%

TM.HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

**Chủ tịch**  
**(Đã ký)**

**Hoàng Đức Long**